

Số: 409/ CV-KVMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam  
Mã chứng khoán: STG  
Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM  
Điện thoại: 08.38266594  
Fax: 08.38266593  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Vũ Thành – Tổng Giám đốc  
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08.38266594  
Fax: 08.38266593

Loại công bố thông tin  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG VŨ THÀNH**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



Hơn 40 năm am hiểu ngành dịch vụ logistics !





# MỤC LỤC

PHẦN 1	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
PHẦN 2	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
PHẦN 3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	18
PHẦN 4	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	25
PHẦN 5	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
PHẦN 6	CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	75
PHẦN 7	TỔ CHỨC NHÂN SỰ	79
PHẦN 8	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY	92





# PHẦN 1



## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY







Mục tiêu phát triển

→ 2018 **Top 3**

Nhà cung cấp dịch vụ logistics Việt Nam





## 1.1. NHỮNG SỰ KIẾN QUAN TRỌNG:

### 1.1.1. Giới thiệu về Công ty:

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**
- Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SOTRANS
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593
- Email : [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn)
- Website : [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM (SOTRANS) được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ Kho đa chức năng tại Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu SOTRANS trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 2 khối và các bộ phận kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu. Công ty có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của SOTRANS với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 40 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m<sup>2</sup>, nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp

### Quá trình hình thành và phát triển:

- 1975 SOTRANS được thành lập.
- 1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận .
- 1992 Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế.
- 1993 Thành lập VPĐD tại Đồng Nai.
- 1995 SOTRANS là thành viên VCCI.
- 1996 SOTRANS là thành viên VLA.
- 1997 Hợp tác với Gemadept xây dựng ICD Phước Long 2. SOTRANS là thành viên FIATA.
- 1999 Thành lập Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội.
- 2000 Thành lập Chi nhánh SOTRANS Cần Thơ.
- 2001 Đạt chứng nhận ISO 9001:2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do DNV cấp.
- 2002 Thành lập VPĐD tại Bình Dương.
- 2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng ba.
- 2004 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhì. SOTRANS là thành viên IATA.
- 2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- 2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.
- 2010 Thành lập XN Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu Điểm. Thành lập Cảng Kho Vận SOTRANS ICD. Thành lập XN Vật tư Xăng dầu. SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhất.
- 2013 Góp vốn thành lập Công ty TNHH HTV Bất động sản SORECO. Thành lập Văn phòng SOTRANS tại Quảng Ninh.
- 2014 Xây dựng Kho SOTRANS Long Bình.
- 2015 Góp vốn thành lập Cty TNHH HTV logistics GEFCO – SOTRANS. Góp vốn thành lập Công ty CP Cảng Miền Nam.

tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.



SOTRANS được Hải quan TP.HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi

ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao. SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong.. lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam.

### 1.1.2. **Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ năm 2007.

### 1.1.3. **Niêm yết :**

SOTRANS niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã cổ phiếu: STG.
- Ngày giao dịch đầu tiên 02/03/2010
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 13.780.349 cổ phần.  
27.560.698 cổ phần (Từ ngày 24/02/2016).
- Tổng giá trị niêm yết: 137.803.490.000 đồng (Tính theo mệnh giá).  
275.606.980.000 đồng (tính theo mệnh giá, từ ngày 24/02/2016)

## 1.2. **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:**

### 1.2.1 **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (Cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center);
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu nhờn; kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt các loại;
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

### 1.2.2 **Tình hình hoạt động:**

Các hoạt động kinh doanh chính:

- Dịch vụ kho.
- Vận tải quốc tế.
- Giao nhận vận tải nội địa.
- Cảng thông quan nội địa.



#### ▪ Dịch vụ kho:

- Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...
  - Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m<sup>2</sup>
  - Quận 7: Kho Viconship 4.400 m<sup>2</sup>
  - Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m<sup>2</sup>
  - Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m<sup>2</sup>
  - Kho, bãi Cảng SOTRANS ICD 75.000 m<sup>2</sup>
  - Kho SOTRANS Long An 10.000 m<sup>2</sup>
  - Kho SOTRANS Long Bình 12.000m<sup>2</sup>
  - Các kho hợp tác kinh doanh tại TP. HCM, Bình Dương, Phú Mỹ: 70.000 m<sup>2</sup>
  - Cảng tại Thủ Đức: cầu cảng dài 400m
- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP.HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng.
- Nằm trên hệ thống đường quốc lộ, khu vực ven TP.HCM, thuận tiện cho việc xuất, nhập hàng hóa, không bị cấm tải trong giờ cao điểm.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại Long An - TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai.
- Năm 2014, SOTRANS khai thác hệ thống kho tại Long Bình – Đồng Nai, đây là khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, là điểm tiếp nối giữa Tp.HCM, Bình Dương, Đồng Nai đến hệ thống cảng nước sâu Cái Mép Thị Vải.
- SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong 40 năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.

#### ▪ Vận tải quốc tế:

SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

**Asia + Australia:** Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myamar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Philippin, Thailand, Taiwan, Russia.

**Euro & Mediterranean:** Belgium, Szech Republic, Denmark, Egypt, finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libia, Maldives, Malta, Netherland, Poland, Rumani, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraina, United Kingdom.

**America, Afica & Middle East:** Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Columbia, Costarica, Ecuador, Elsanvador, Ghana, Israel. Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagasca, Marocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Afica, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad

& Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hẹn.
- SOTRANS có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 40 năm trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.
- SOTRANS cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, với chuỗi các dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan...và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng.



▪ **Giao nhận vận tải nội địa:**

Với kinh nghiệm hơn 40 năm trong ngành giao nhận và kinh doanh kho bãi, SOTRANS có thể nắm bắt và thực hiện hiệu quả mọi nhu cầu về vận chuyển và giao nhận của khách hàng từ những lô hàng siêu trường siêu trọng cho các dự án lớn cho đến các các món hàng nhỏ vận chuyển qua cửa khẩu sân bay. Thế mạnh trong dịch vụ logistics của SOTRANS là sự kết hợp nhuần nhuyễn tất cả các khâu trong quá trình vận chuyển và đảm bảo khai quan đúng hạn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng. Rất nhiều công ty đa quốc gia như Pepsi, P&G, Uni President, Colgate, Friesland Campina đã tin tưởng và

giao cho SOTRANS đảm nhận công tác giao nhận hàng hóa theo yêu cầu an toàn và đúng hạn.

SOTRANS cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan, v.v., và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn. Với phương châm "Tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí cho khách hàng" giúp cho dịch vụ của SOTRANS luôn đi đầu và mang đến hiệu quả cao cho khách hàng.

**Điểm mạnh trong hoạt động giao nhận:**

1. Hệ thống kho rộng khắp, thuận tiện phân phối cũng như lưu trữ hàng hoá.
2. Kinh nghiệm lâu năm trong việc làm hàng xá với nhiều khách hàng lớn: Cargil, Unipresident, Hiệp Quang, Bình Điền, Vinacam...
3. Dịch vụ trọn gói từ việc giao nhận hàng hóa cho đến lưu kho, vận chuyển, phân phối.
4. Đa dạng trong các dịch vụ cộng thêm: chứng từ, bảo hiểm, giám định, kiểm đếm, đóng gói, nhãn hàng...
5. Ngoài ra SOTRANS còn có dịch vụ vận chuyển quốc tế giúp khách hàng hoàn thiện chuỗi cung ứng.

▪ **Dịch vụ cảng thông quan nội địa:**

- SOTRANS ICD chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, trang thiết bị hiện đại, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty thương mại và dịch vụ...
- Với diện tích khai thác khoảng 10 ha (100.000 m<sup>2</sup>) vị trí khai thác chiến lược giúp kết nối các hoạt động logistics liên tục 24<sup>h</sup>/7 ngày.



**Các dịch vụ tại SOTRANS ICD:**

- Điểm thông quan nội địa.
- Nâng, hạ container.
- Đóng rút hàng tại bãi.
- Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
- Dịch vụ xếp, dỡ container.
- Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
- Lắp đặt thiết bị.
- Thủ tục hải quan.
- Kho đóng hàng lẻ.
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.



- Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa.
- Sửa chữa và vệ sinh container.
- Vận chuyển hàng nội địa.

#### **Hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày:**

- Đảm bảo giải quyết tất cả các khiếu nại của khách hàng.
- Thời gian lưu container linh hoạt với chi phí phù hợp.
- Chính sách ưu đãi riêng cho khách hàng/hãng tàu.
- Linh động thời gian lưu bãi cho hãng tàu với dịch vụ chuyên nghiệp tốt nhất.

### **1.3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:**

#### **1.3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

##### **▪ Mục tiêu tăng trưởng:**

- Duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 10-15% hàng năm.

##### **▪ Mục tiêu lợi nhuận:**

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18 - 25% mỗi năm.

##### **▪ Mục tiêu thương hiệu:**

- Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

##### **▪ Mục tiêu xã hội:**

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

#### **1.3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

##### **▪ Mục tiêu phát triển:**

###### **- Năm 2016**

Top 1 Mạng lưới giao nhận tại Việt Nam.

###### **- Năm 2018**

Có văn phòng tại Myanmar, Lào, Campuchia và Châu Âu.

###### **- Năm 2018**

Top 3 Nhà cung cấp DV logistics Việt Nam.

###### **- Năm 2020**

Top 1 Hệ thống kho tại Việt Nam.

##### **▪ Mục tiêu tăng trưởng thông qua đầu tư:**

###### **➔ Đầu tư hệ thống kho:**

- Đối với hệ thống Kho SOTRANS sẽ đầu tư từng bước với các kho thông thường và kho có kệ chứa hàng có diện tích vừa phải từ 5.000 – 20.000m<sup>2</sup> theo từng giai đoạn để đảm bảo hình thành mô hình kinh doanh chuẩn về kho. Sau khi đạt được doanh thu và lợi nhuận ổn định sẽ nhân rộng mô hình ra toàn quốc theo Quy hoạch phát triển Cảng biển đến 2020 và trên cơ sở nghiên cứu thị trường về nhu cầu sử dụng kho ở các khu vực.
- Song song với việc lập kế hoạch phát triển kho bãi, SOTRANS sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội, đất đai phù hợp tại khu vực Thủ Đức, Quận 9, Quận 2 TP. HCM để chuẩn bị cho kế hoạch di dời các kho bãi hiện hữu theo quy hoạch tại khu vực Km 9 Xa lộ Hà Nội và khu vực Quận 4.
- Trong năm 2016, SOTRANS sẽ tiếp tục đầu tư hệ thống kho SOTRANS Phú Mỹ với tổng diện tích 50.000m<sup>2</sup> trong đó có 20.000m<sup>2</sup> kho hàng xá, 10.000m<sup>2</sup> kho hàng bách hóa và





trạm cân điện tử với tải trọng 80 tấn. Kho SOTRANS Phú Mỹ nằm trong khu công nghiệp Phú Mỹ 1 (Bà Rịa Vũng Tàu) có vị trí thuận

lợi, kết nối với hệ thống cảng Cái Mép – Thị Vải.

#### ➔ Đầu tư quỹ đất hệ thống ICD:

- Phát triển cảng khu vực TP.HCM, Miền Trung và Miền Tây.
- Khu vực Cát Lái, Quận 9 có lợi thế về cự li đi đến các khu công nghiệp và đảm bảo được hiệu quả của khu vực trung tâm logistics.

- Khu vực khác được xem xét là khu vực Đồng Nai, tiếp giáp sông Đồng Nai dưới hình thức liên kết với các đối tác khác phát triển ICD.

#### ➔ Đầu tư phát triển Công nghệ thông tin:

- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu & ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Nâng cao hạ tầng quản trị doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin, nâng cấp mở

- rộng hệ thống quản trị quan hệ khách hàng ERP, hệ thống phần mềm kế toán tài chính.
- Phát triển ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp, hệ thống VOIP-Phone, hệ thống hội nghị truyền hình (video conference) kết nối toàn bộ hệ thống SOTRANS trên toàn quốc, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí.



## PHẦN 2



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Mục tiêu phát triển

→ 2016 **Top 1**

Mạng lưới giao nhận tại Việt Nam





## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014 và Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam; Nghị quyết số 025/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015; Nghị quyết số 051/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/8/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015; Nghị quyết số 090/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/11/2015, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016 cụ thể như sau:

### I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015:

#### 1. Cơ cấu HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam năm 2015 gồm:

- Ông Trần Quyết Thắng - Chủ tịch HĐQT
- Bà Đoàn Thị Đông - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015)
- Ông Đặng Vũ Thành - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015)
- Ông Trần Mạnh Đức - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015)
- Ông Đinh Quang Hoàn - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 23/6/2015)
- Ông Lê Bá Thọ - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 29/6/2015)
- Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 29/9/2015)
- Ông Trần Văn Thịnh - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 20/8/2015)
- Ông Đỗ Hoàng Phương - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 20/8/2015)

#### 2. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 11 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.



- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có Tổng Giám đốc tham dự.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, HĐQT đã có báo cáo quản trị Công ty 06 tháng và năm gửi UBCK, các Sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

### 3. Các biên bản nghị quyết HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành 30 Nghị quyết và Quyết định. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ, HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- 3.1. Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2015 như: báo cáo hoạt động SXKD năm 2014, kế hoạch SXKD năm 2015, phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận, lựa chọn đơn vị kiểm toán, thù lao của HĐQT và BKS, số lượng thành viên HĐQT, phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ...
- 3.2. Chủ trương chuyển đổi công năng sử dụng khu đất 1B Hoàng Diệu, 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4 và khu đất Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức.
- 3.3. Bổ nhiệm Ông Lê Bá Thọ làm Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 15/7/2015, thời hạn là 03 năm.
- 3.4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.
- 3.5. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam.
- 3.6. Góp vốn thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Miền Nam.
- 3.7. Phát hành trái phiếu riêng lẻ và phê duyệt phương án phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ.
- 3.8. Thông qua các hồ sơ, thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- 3.9. Tái cơ cấu Công ty, giải thể Ban Nghiên cứu và Phát triển, Ban Kiểm soát nội bộ, các Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam gồm: Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận, Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Bãi Cảng,



Xí Nghiệp Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế Tiêu Diêm, Xí Nghiệp Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế, Cảng Kho Vận.

• *Công tác tài chính:*

- 3.10. Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2014 là 10% bằng tiền mặt, thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2014 là 15% bằng cổ phiếu.
- 3.11. Thông qua việc vay vốn với tổng hạn mức tín dụng năm 2015 là 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: một trăm tỷ đồng chẵn), giao Ban điều hành đàm phán với các Ngân hàng có uy tín để tiến hành ký kết hợp đồng theo nhu cầu kinh doanh.
- 3.12. Yêu cầu ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ chi phí, kiểm soát công nợ, xây dựng định mức và tiêu chí cụ thể về công nợ.

**4. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

- 4.1. Việc phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi: do thị trường chưa thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện phát hành được trong năm 2015. Năm 2016, không tiếp tục thực hiện phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi mà thay đổi bằng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- 4.2. Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: đã thực hiện phát hành thành công, tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết là 275.606.980.000 đồng.  
Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã sửa đổi Điều lệ với vốn điều lệ sau khi sửa đổi là 275.606.980.000 đồng.
- 4.3. Tái cơ cấu Công ty: hoàn tất quá trình tái cơ cấu Công ty theo từng mảng kinh doanh chính; sáp nhập, giải thể các Xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc Công ty.
- 4.4. Thành lập hai Công ty con:
  - \* Góp vốn thành lập Công ty CP Cảng Miền Nam: với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam (SOTRANS) góp 51%, tương đương 10.200.000.000 đồng để khai thác cảng.
  - \* Góp vốn thành lập Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS:  
Góp 100% vốn thành lập Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS với vốn điều lệ là 350.000.000.000 đồng.  
Ngày 07/12/2015, HĐQT thống nhất góp thêm 50.000.000.000 đồng vào Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS để tăng vốn điều lệ của Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS từ 350.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.  
Ngày 31/03/2016, HĐQT thống nhất thông qua việc góp thêm 200.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ



Tăng SOTRANS, tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 đồng.

## 5. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

## 6. Kết luận:

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã nỗ lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc, trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư mới. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được HĐQT và Ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị trực thuộc, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Công ty.

## II. Phương hướng hoạt động năm 2016:

Năm 2016, tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo sẽ được cải thiện nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn như các doanh nghiệp sẽ vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ... Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2016 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.



- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội M&A các doanh nghiệp tiềm năng cùng ngành nghề.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành, giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.







## PHẦN 3



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC





**SOTRANS**

*We make it simple!*

Mục tiêu phát triển

➔ 2020 **Top 1**

Hệ thống kho tại Việt Nam







CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúcSố: /KVMN  
V/v: Báo cáo hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch  
năm 2016.

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016

#### I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:

##### 1.1. Bối cảnh:

- Năm 2015 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng vì là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.
- Thị trường toàn cầu có những bất ổn. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm.
- Giá dầu thô giảm mạnh.
- Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu.

##### 1.2. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2015:

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2015 (tăng/giảm) so với năm 2014 (%)	
Tổng sản phẩm trong nước	+6,68
Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản	+2,4
Chỉ số sản xuất công nghiệp	+9,6
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+6,3
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+8,1
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+12,0

Nhận xét: Tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn tuy nhiên tình hình kinh tế Việt Nam khá thuận lợi trong đó có sự tăng trưởng của xuất khẩu và nhập khẩu.

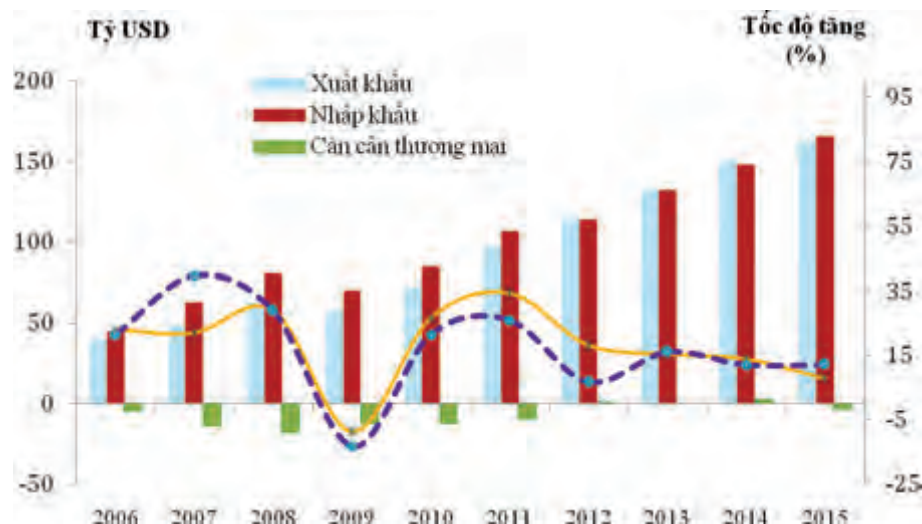
#### II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:

Năm 2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 327,76 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2014, trong đó xuất hàng hóa đạt 162,11 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 165,65 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 3,54 tỷ USD (tương đương khoảng 2,2% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước) và ngược lại so với xu hướng thặng dư 2,37 tỷ của năm trước.



Như vậy, so với năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu đã tăng hơn 124 tỷ USD (từ 203,7 tỷ năm 2011 lên 327,76 tỷ USD năm 2015) nhưng xét về tốc độ tăng thì năm 2015 có tốc độ tăng thấp nhất cả giai đoạn và thấp hơn nhiều so với mức tăng bình quân 15,8%/năm giai đoạn 2011-2015.

**Biểu đồ 1: Diễn biến kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và cán cân thương mại giai đoạn 2006-2015**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**2.1. Xuất khẩu:**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2015 ước tính đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014, loại trừ yếu tố giá tăng 12,4% (chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa giảm 3,8%). Kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước tính đạt 115,1 tỷ USD, tăng 13,8%; khu vực trong nước ước tính đạt 47,3 tỷ USD, giảm 3,5%.

Đóng góp chính vào mức tăng chung chủ yếu là nhóm hàng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng cao: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,7%, điện tử máy tính và linh kiện chiếm 98,2%, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 89,5%, giày dép chiếm 79,7%; hàng dệt may chiếm 60,4%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 45,5% tổng kim ngạch, tăng 1,5 điểm phần trăm so với năm 2014; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 39,9%, tăng 0,6 điểm phần trăm; hàng nông, lâm chiếm 10,5%, giảm 1 điểm phần trăm; hàng thủy sản chiếm 4,1%, giảm 1,1 điểm phần trăm.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước tính chiếm tỷ trọng 20,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; tiếp đến là EU chiếm 19%...

**2.2. Nhập khẩu:**

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2015 ước tính đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98 tỷ USD, tăng 16,4%; khu vực kinh tế trong nước đạt 67,6 tỷ USD, tăng 6,3%. Nếu loại trừ yếu tố giá (giá nhập khẩu giảm 5,8%), kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm tăng 18,9%, cao hơn mức tăng 13,2% của năm 2014.

Kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng phục vụ sản xuất tăng cao so với năm trước: Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng 23,1%; vải dệt tăng 8,2%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép tăng 7,5%. Một số



mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tăng so với năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện tăng 24,2%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 25,4%; ô tô tăng 59%, trong đó ô tô nguyên chiếc tăng 87,7%.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tới 91,3% tổng kim ngạch, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm 2014; hàng tiêu dùng chiếm 8,7%, giảm 0,2 điểm phần trăm.

Về thị trường nhập khẩu, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch chiếm 28,8% tổng kim ngạch nhập khẩu; tiếp đến là Hàn Quốc chiếm 16,7%; ASEAN chiếm 14,4%...

Cán cân thương mại năm 2015 nhập siêu 3,2 tỷ USD (sau 3 năm liên tiếp xuất siêu), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,3 tỷ USD; khu vực FDI xuất siêu 17,1 tỷ USD. Đáng chú ý là thị trường Trung Quốc ước tính nhập siêu tới 32,3 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm trước; thị trường Nhật Bản sau nhiều năm xuất siêu, năm 2015 nhập siêu hơn 300 triệu USD.

Nhận xét: Tình hình xuất nhập khẩu trong năm có tăng trưởng là tiền đề tốt cho sự phát triển các năm sau.

### **III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS NĂM 2015:**

#### **3.1. Tình hình chung:**

Vận tải hàng hóa năm 2015 đạt 1133,9 triệu tấn, tăng 6% và 226,8 tỷ tấn.km, tăng 3,1% so với năm trước, trong đó:

- Vận tải trong nước đạt 1102 triệu tấn, tăng 6,1% và 98,8 tỷ tấn.km, tăng 6,9%;
- Vận tải ngoài nước đạt 31,9 triệu tấn, tăng 3,8% và 128 tỷ tấn.km, tăng 0,3%.
- Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 874 triệu tấn, tăng 6,6% và 50,1 tỷ tấn.km, tăng 6,9%;
- Vận tải đường sông đạt 194,6 triệu tấn, tăng 4,5% và 39,9 tỷ tấn.km, tăng 4,9%;
- Vận tải đường biển đạt 58,4 triệu tấn, tăng 4% và 132 tỷ tấn.km, tăng 1,4%;
- Vận tải đường sắt đạt 6,7 triệu tấn, giảm 7,1% và 4,2 tỷ tấn.km, giảm 2,5%.

Nhận xét: Tình hình vận tải nhìn chung trong năm 2014 tăng trưởng thấp.

#### **3.2. Các doanh nghiệp cùng ngành (Số liệu 9 tháng):**

##### **▪ Công ty CP Transimex Saigon:**

- Doanh thu đạt 110%, Lợi nhuận đạt 137% so với năm 2014.

##### **▪ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinalink):**

- Doanh thu đạt 115%, Lợi nhuận đạt 125% so với năm 2014.

##### **▪ Công ty CP Gemadept (Gemadept):**

- Doanh thu đạt 127%, Lợi nhuận đạt 58,4% so với năm 2014.

##### **▪ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinafreight):**

- Doanh thu đạt 129%, Lợi nhuận đạt 130% so với năm 2014.

##### **▪ CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Tân Cảng Logistics):**

- Doanh thu đạt 98,8%, Lợi nhuận đạt 96,3% so với năm 2014.

Nhận xét: Các công ty trong ngành có doanh thu đều tăng rất khả quan. Lợi nhuận hiện cũng tăng khá ấn tượng. Một số Công ty lợi nhuận giảm do tăng vượt bậc năm trước nhờ vào lợi nhuận tài chính. Sotrans trong



thời gian 9 tháng đầu năm doanh thu đạt 126% và lợi nhuận đạt 112% so với cùng kỳ cũng là một trong những công ty tăng trưởng mạnh.

### 3.3. Thuận lợi & Cơ hội:

- Tình hình chính trị, xã hội tại Việt Nam tương đối ổn định;
- Kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi.
- Quyết tâm cải cách thể chế kinh tế từ chính phủ bằng việc cổ phần hóa một số tập đoàn, tổng công ty lớn của nhà nước.
- Dịch chuyển đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia từ Trung Quốc sang Việt Nam và một số nước khác.

### 3.4. Khó khăn & thách thức:

- Cấm tải và hạn chế tải trọng trong vận chuyển đường bộ làm giá thành vận tải tăng cao, ảnh hưởng đến giá đầu vào của công ty.
- Tình hình cạnh tranh gay gắt của các Forwarder, hãng tàu, hãng hàng không để tồn tại dẫn đến việc giá thành dịch vụ bị sụt giảm.
- Tình hình xuất nhập khẩu tăng trưởng không cao.

## IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:

### 4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	So 2014	So KH
	(Tỷ VND)	%	%
<b>Doanh thu</b>	<b>1.005</b>	111,6	106,9
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.7</b>	84,3	84,9
Hoạt động KD cốt lõi	<b>41.8</b>	121,1	108,7
<b>Thu nhập bình quân</b>	<b>14.9</b>	109,6	

### 4.2. Thực hiện SXKD năm 2015 theo khối kinh doanh:

#### ▪ Doanh thu:

Khoản mục	Kế hoạch năm 2015 (đồng)	Ước thực hiện năm 2015 (đồng)	Thực hiện năm 2014 (đồng)	So sánh kết quả ước thực hiện năm 2015 với	
				Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2014
<b>Doanh thu</b>	<b>940,000,000,000</b>	<b>1,005,677,752,890</b>	<b>901,113,287,692</b>	<b>107.0%</b>	<b>111.6%</b>
<b>Khối Cước</b>	<b>297,000,000,000</b>	<b>392,982,803,031</b>	<b>309,553,219,904</b>	<b>132.3%</b>	<b>127.0%</b>
- Đường Không	135,000,000,000	215,594,678,297	169,294,252,753	159.7%	127.3%
- Đường Biển	162,000,000,000	177,388,124,734	140,258,967,151	109.5%	126.5%
<b>Khối Kho và Giao Nhận</b>	<b>235,000,000,000</b>	<b>234,184,493,012</b>	<b>213,766,295,754</b>	<b>99.7%</b>	<b>109.6%</b>
- Kho	45,000,000,000	82,435,531,542	64,256,075,858	183.2%	128.3%
- Giao Nhận	190,000,000,000	151,748,961,470	149,510,219,896	79.9%	101.5%
<b>Kinh doanh xăng dầu</b>	<b>270,000,000,000</b>	<b>217,989,789,833</b>	<b>232,721,995,213</b>	<b>80.7%</b>	<b>93.7%</b>
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	<b>58,000,000,000</b>	<b>56,192,155,782</b>	<b>53,325,065,097</b>	<b>96.9%</b>	<b>105.4%</b>
<b>Khác (ICD + ...)</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>104,328,511,232</b>	<b>91,746,711,724</b>		



▪ **Lợi nhuận gộp:**

Khoản mục	Ước thực hiện Năm 2015	Thực hiện năm 2014	So sánh kết quả ước thực hiện năm 2015 với Thực hiện năm 2014
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>158,172,510,248</b>	<b>139,569,359,825</b>	<b>113.3%</b>
<b>Khối Cước</b>	<b>31,466,055,836</b>	<b>22,822,917,332</b>	<b>137.9%</b>
- Đường Không	12,116,363,553	8,641,596,543	140.2%
- Đường Biển	19,349,692,283	14,181,320,789	136.4%
<b>Khối Kho và Giao Nhận</b>	<b>59,193,615,859</b>	<b>49,850,139,148</b>	<b>118.7%</b>
- Kho	40,227,097,685	31,540,274,640	127.5%
- Giao Nhận	18,966,518,174	18,309,864,508	103.6%
<b>Kinh doanh xăng dầu</b>	<b>15,635,577,175</b>	<b>9,660,792,043</b>	<b>161.8%</b>
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	<b>7,276,361,885</b>	<b>4,761,640,058</b>	<b>152.8%</b>
<b>Khác</b>	<b>44,600,899,493</b>	<b>52,473,871,244</b>	

4.3. **Các hoạt động chính trong năm:**

▪ **Chuyển đổi cơ cấu cổ đông:**

- Trong năm Công ty đã chuyển đổi cơ cấu cổ đông từ sở hữu nhà nước chiếm đa số sang loại hình doanh nghiệp không còn vốn sở hữu nhà nước.
- Thời gian tiến hành chuyển đổi: 06-07/2015.

▪ **Tái cơ cấu tổ chức:**

- Để phù hợp xu hướng phát triển và tình hình thị trường Công ty đã triển khai tái cơ cấu tổ chức với việc phát triển các khối kinh doanh như sau:
- Khối Kho và Giao nhận trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị cũ là XN DV Kho bãi Cảng và XN DV Kho Vận Giao Nhận.
- Khối Cước Quốc Tế trên cơ sở sáp nhập XN ĐL GNVT Quốc Tế và XN GNVT QT Tiêu Điểm.
- Chi nhánh Hà Nội không thay đổi.
- XN Vật tư Xăng dầu không thay đổi.
- Thành lập Công ty CP Cảng Miền Nam trên cơ sở Cảng Kho Vận.

▪ **Mở rộng hệ thống, mạng lưới:**

- Trong năm Công ty tiến hành phát triển hệ thống với việc mở rộng hoạt động tại Văn Phòng Quảng Ninh, Hải Phòng, Cần Thơ.
- Mua cổ phần của công ty MHC.
- Ký kết hợp tác chiến lược với Công ty ITL.

V. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2016:**

5.1. **Kế hoạch tổng thể:**

Kế hoạch tổng thể gồm 2 chỉ tiêu cơ bản là doanh thu và lợi nhuận gộp:





- Doanh thu: **1.182 Tỷ đồng.**
- Lợi nhuận: **137 Tỷ đồng.**

**Định hướng chính:**

**Đến 2018: Top 3 doanh nghiệp logistics Việt Nam.**

Phát triển mạng lưới giao nhận rộng khắp lãnh thổ Việt Nam.

Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

M&A phát triển hệ thống.

Xây dựng, chuẩn hóa qui trình.

Xây dựng hình ảnh thương hiệu mới.

**Kế hoạch từng khối kinh doanh:**

Đơn vị / Khối kinh doanh	(Tỷ đồng)	Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	,	,
<b>Khối Cước</b>	<b>1</b>	
- Đường biển		
- Đường hàng không		
<b>Khối Kho – Giao Nhận</b>	<b>11,</b>	<b>76,1</b>
- Giao nhận		
<b>XN Vật tư Xăng dầu</b>	<b>7,</b>	<b>1 ,</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1 1</b>	<b>1 7</b>

**KẾT LUẬN:**

Năm 2015 Công ty thay đổi lớn về cơ cấu cổ đông tạo điều kiện cho sự phát triển. Bên cạnh đó Công ty đã tiến hành tái cơ cấu toàn bộ với việc tập trung quản lý giúp doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tốt hơn.

Trong năm Công ty đã ghi nhận một cột mốc phát triển mới là doanh thu 1005 tỉ đồng.

Năm 2016 sẽ vẫn còn là năm khó khăn cho ngành dịch vụ logistics do các doanh nghiệp nước ngoài đã được đầu tư 100% vốn trong một số ngành logistics, Công ty sẽ tăng cường phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng để mang đến dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và giữ vững sự phát triển trong tương

**Nơi nhận:**

HĐQT, BKS;  
Ban TGD;  
Giám đốc các Khối, đơn vị,  
phòng ban trực thuộc;  
Lưu VT.



## PHẦN 4



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT





**SOTRANS**  
*We make it simple!*



Mục tiêu phát triển

➔ **2020**

Có văn phòng tại Myanmar, Lào, Campuchia và châu Âu



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHO VẬN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016*

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM  
*Về hoạt động kiểm soát năm 2015***

- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 36 Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam được bổ sung sửa đổi lần thứ tám ngày 10/03/2016;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam ban hành kèm theo Quyết định số 325/QĐ-KVMN ngày 17/4/2007;
- Căn cứ Báo cáo tài chính các năm của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/7/2012 Quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông thường niên 2016 kết quả hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát với những nội dung chính sau:

**I. Hoạt động và thù lao Ban Kiểm soát:**

**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015:**

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của HĐQT.
- Khảo sát các dữ liệu đánh giá tình hình công nợ của Công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo, và các quy định ban hành.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm 2015.
- Phối hợp Ban Giám đốc xét chọn thầu đối với việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. Căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, Công ty TNHH Ernst & Young đã trúng thầu kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2015. Xem xét thư quản lý, cũng như ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty.





## 2. Thù lao Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát:

Từ ngày 01/01/2015 – 31/07/2015: 2 thành viên.

Từ ngày 31/07/2015 – 20/08/2015: 1 thành viên.

Từ ngày 20/08/2015 – 31/12/2015: 3 thành viên.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát nhận được thù lao của năm 2014 là 129.246.688 đồng.

## II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:

### 1. Tình hình hoạt động Công ty:

- Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2015 theo báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty đã phản ánh phù hợp thực tế. Ban kiểm soát nhất trí các nội dung chủ yếu trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2015 Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên.

### 2. Tình hình tài chính Công ty:

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2015:

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tổng tài sản	VND	672.011.394.038	256.243.027.321
+ Tài sản ngắn hạn	VND	535.614.669.117	186.285.094.928
+ Tài sản dài hạn	VND	136.396.724.921	69.957.932.393
2. Tổng nguồn vốn	VND	672.011.394.038	256.243.027.321
+ Nợ ngắn hạn	VND	94.210.699.383	94.994.343.867
+ Nợ dài hạn	VND	398.440.881.000	5.144.442.250
+ Vốn chủ sở hữu	VND	179.359.813.655	156.104.241.204
3. Doanh thu bán hàng, dịch vụ	VND	1.010.596.638.027	872.723.744.485
4. Lợi nhuận sau thuế	VND	24.599.453.992	28.076.986.548

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán.*

## III. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trên cơ sở những công việc đã thực hiện, Ban Kiểm soát có những đánh giá như sau:

- Trên cơ sở thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng mục tiêu phát triển kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị công ty đã phê chuẩn nhiều vấn đề quan trọng để tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của Công ty như:



- Tái cơ cấu Công ty.
- Chủ trương tìm kiếm và xây dựng thêm kho để phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Thành lập công ty con.
- Trong hoạt động quản lý, Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị công ty.
- Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo tốt công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, cùng các biện pháp tổ chức thực hiện. Trong quá trình quản lý, điều hành Ban Giám đốc công ty luôn thể hiện tính chủ động, kịp thời và linh hoạt, đảm bảo mọi hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ theo đúng định hướng, mục tiêu đề ra.

#### **IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:**

Ngoài sự giám sát thường xuyên hoạt động của công ty. Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty trên nhiều lĩnh vực liên quan trong hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ, cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát kịp thời.

#### **V. Kiến nghị:**

Qua các vấn đề trình bày, Ban kiểm soát đề xuất các kiến nghị sau:

- Tích cực thu hồi, giảm công nợ phải thu để tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi.
- Cần nâng cấp chương trình quản lý nhằm gia tăng tính kiểm soát và cung cấp đầy đủ các dữ liệu, thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành quy trình hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty để làm cơ sở đánh giá hoạt động, kiểm tra, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **VI. Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2016:**

Với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, Ban kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát công tác xây dựng kế hoạch, các giải pháp, và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016, thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.



- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính năm 2016.
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.
- Thẩm định tính khả thi và hiệu quả của các dự án đầu tư (nếu có).
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2016.
- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu của cổ đông.

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông và mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để việc tổng hợp, phân tích trong các kỳ báo cáo tới được hoàn thiện hơn.

## BAN KIỂM SOÁT



## PHẦN 5



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH







*We make it simple!*



**Liên kết vận tải quốc tế**



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	34 - 35
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	36
Báo cáo kiểm toán độc lập	37 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	38 - 40
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	41
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	42 - 43
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	44 - 73



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2015 bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho đến trước ngày 29 tháng 9 năm 2015
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Việt Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015



## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



Số tham chiếu: 61113814-17794248-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>535.614.669.117</b>	<b>186.285.094.928</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>418.025.035.540</b>	<b>57.119.281.063</b>
111	1. Tiền		18.025.035.540	42.119.281.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.000.000.000	15.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>1.470.579.700</b>	<b>2.667.778.040</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	6.979.120.100
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.119.692.858)	(4.311.342.060)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>111.257.663.439</b>	<b>122.707.132.626</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		86.786.969.665	87.740.596.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.837.763.919	18.358.543.305
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		19.418.044.172	18.996.566.113
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		301.358.567	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>3.850.341.588</b>	<b>1.053.460.876</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.132.598.591	1.053.460.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.011.048.850</b>	<b>2.737.442.323</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		591.122.954	839.817.529
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		419.925.896	1.897.624.794
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>136.396.724.921</b>	<b>69.957.932.393</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>3.559.580.000</b>	<b>4.740.855.000</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.362.700.000	4.585.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		196.880.000	155.355.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>56.719.743.288</b>	<b>33.382.577.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.432.193.288	32.078.319.131
222	Nguyên giá		132.967.865.523	105.644.109.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.535.672.235)	(73.565.790.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.287.550.000	1.304.258.125
228	Nguyên giá		2.465.843.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.178.293.779)	(1.161.585.654)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.600.778.947</b>	<b>26.118.194.232</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.600.778.947	26.118.194.232
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>69.174.809.527</b>	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	2.732.432.827	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	75.558.898.375	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(9.116.521.675)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.341.813.159</b>	<b>5.716.305.905</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.904.596.959	4.950.921.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	437.216.200	765.384.455
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>672.011.394.038</b>	<b>256.243.027.321</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>492.651.580.383</b>	<b>100.138.786.117</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>94.210.699.383</b>	<b>94.994.343.867</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.909.011.939	67.710.073.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		493.280.129	255.291.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.049.416.177	6.559.800.227
314	4. Phải trả người lao động		8.820.845.509	12.722.961.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		709.293.361	3.351.151.505
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.254.871.690	4.395.065.731
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.973.980.578	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>398.440.881.000</b>	<b>5.144.442.250</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		254.800.000	1.665.422.000
338	2. Vay dài hạn	17	396.000.000.000	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.186.081.000	3.479.020.250
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>179.359.813.655</b>	<b>156.104.241.204</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>179.359.813.655</b>	<b>156.104.241.204</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	137.803.490.000	83.518.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.803.490.000	83.518.570.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	8.378.540.122	8.097.890.172
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	7.276.861.099	28.139.561.099
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	12.400.649.915	33.424.359.950
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	6.129.664.204
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.400.649.915	27.294.695.746
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	13.500.272.519	2.923.859.983
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>672.011.394.038</b>	<b>256.243.027.321</b>

Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(853.691.620.124)	(758.444.868.357)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.905.017.903	114.278.876.128
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.221.943.586	11.771.926.847
22	6. Chi phí tài chính	23	(11.032.424.485)	(840.131.069)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(1.831.408.810)</i>	<i>(836.744.834)</i>
24	7. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	12.1	(1.429.627.173)	1.580.778.438
25	8. Chi phí bán hàng	24, 25	(75.519.456.828)	(54.687.973.220)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(33.879.929.230)	(36.166.259.207)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.265.523.773	35.937.217.917
31	11. Thu nhập khác		478.607.204	279.174.814
32	12. Chi phí khác	26	(2.687.943.954)	(145.693.934)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.209.336.750)	133.480.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.056.187.023	36.070.698.797
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.352.152.240)	(8.771.088.250)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(328.168.255)	765.384.455
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.375.866.528	28.064.995.002
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		24.599.453.992	28.076.986.548
62	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	776.412.536	(11.991.546)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819

Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>34.056.187.023</b>	<b>36.070.698.797</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.897.790.232	4.584.775.075
03	Các khoản dự phòng		9.612.090.258	359.106.806
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.966.819)	20.569.465
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		766.466.545	(7.593.356.386)
06	Chi phí lãi vay	23	1.831.408.810	836.744.834
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>53.161.976.049</b>	<b>34.278.538.591</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.969.840.243	(59.193.160.330)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.079.137.715)	919.737.075
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.575.515.795)	46.818.033.219
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.295.019.066	(3.580.600.673)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.388.847.542	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.408.810)	(836.744.834)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.079.945)	(4.537.883.504)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>30.540.622.174</b>	<b>5.959.439.758</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(7.717.540.979)	(37.143.741.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	67.909.090
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(79.720.958.375)	-
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.331.914.394
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.334.634.494	6.059.278.827
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(85.103.864.860)</b>	<b>(22.684.639.228)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	20	9.800.000.000	1.470.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	766.660.711.188	86.814.260.874
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(352.686.730.610)	(86.814.260.874)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.4	(8.341.894.700)	(10.029.293.400)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>415.432.085.878</b>	<b>(8.559.293.400)</b>
<b>50</b>	<b>Tăng (giảm) thuần tiền và tương đương tiền trong năm</b>		<b>360.868.843.192</b>	<b>(25.284.492.870)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>57.119.281.063</b>	<b>82.403.070.656</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>36.911.285</b>	<b>703.277</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>418.025.035.540</b>	<b>57.119.281.063</b>



Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và một công ty liên kết như sau:

### Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

#### Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013.

Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

SORECO có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 10,2 tỷ VNĐ vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### **Công ty con** (tiếp theo)

#### *Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)*

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn với một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ nhất.

Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

SII có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 400 tỷ vốn điều lệ vào công ty con này.

### **Công ty liên kết**

#### *Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)*

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ.

Gefco – Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 346 (31 tháng 12 năm 2014: 351).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các thông tư dưới đây:

#### 3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

##### 3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

##### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

#### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 200, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### *Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động*

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Nhóm Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

#### 3.18 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhốt trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	790.534.933	2.475.936.800
Tiền gửi ngân hàng	17.234.500.607	39.643.344.263
Các khoản tương đương tiền	400.000.000.000	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>418.025.035.540</b>	<b>57.119.281.063</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.



B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

*Chứng khoán kinh doanh*

	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		
				Giá trị hợp lý		
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)	4.516.720.100	1.562.878.040	(2.953.842.060)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sóng Đà						
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)	507.036.000	44.684.640	(462.351.360)
Khoan Dầu khí	639.018	159.000	(480.018)	639.018	387.000	(252.018)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương						
Việt Nam	368.771	263.400	(105.371)	1.150.320.000	597.040.400	(553.279.600)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	112.322	66.600	(45.722)	1.396.647.832	777.150.000	(619.497.832)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	-	1.462.077.250	143.616.000	(1.318.461.250)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1,453,650,000	(1,008,750,000)	2,462,400,000	1,104,900,000	(1,357,500,000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1,537,500,000	528,750,000	(1,008,750,000)	1,537,500,000	180,000,000	(1,357,500,000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417,000,000	417,000,000	-	417,000,000	417,000,000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368,900,000	368,900,000	-	368,900,000	368,900,000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139,000,000	139,000,000	-	139,000,000	139,000,000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.590.272.558</b>	<b>1,470,579,700</b>	<b>(1,119,692,858)</b>	<b>6,979,120,100</b>	<b>2,667,778,040</b>	<b>(4,311,342,060)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	86.786.969.665	87.740.596.060
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	37.212.750	10.958.814.275
Các khoản phải thu khách hàng khác	86.749.756.915	76.781.781.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.837.763.919	18.358.543.305
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	14.932.587.814
Các khoản trả trước khác	3.063.946.305	3.425.955.491
Phải thu ngắn hạn khác	19.418.044.172	18.996.566.113
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	10.805.975.900	7.731.092.994
Tạm ứng cho nhân viên	6.181.412.821	6.217.850.332
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.298.000	1.395.998.000
Phải thu cổ tức	-	1.611.890.533
Phải thu khác	349.357.451	2.039.734.254
Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho	301.358.567	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>111.257.663.439</b>	<b>122.707.132.626</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Số đầu năm	(2.388.572.852)	(1.811.381.686)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.935.017.509)	(646.050.469)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	237.117.477	68.859.303
Số cuối năm	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	4.132.598.591	1.053.460.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(282.257.003)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>3.850.341.588</u></b>	<b><u>1.053.460.876</u></b>

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn - Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	3.362.700.000	4.585.500.000
Phải thu dài hạn khác - Ký quỹ, ký cược dài hạn	196.880.000	155.355.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.559.580.000</u></b>	<b><u>4.740.855.000</u></b>





B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VNĐ
Số đầu năm	48.325.609.729	6.007.517.506	49.611.686.456	1.699.295.568	105.644.109.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.843.737.173	-	-	-	29.843.737.173
Mua trong năm	-	-	-	391.219.091	391.219.091
Thanh lý trong năm	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	34.784.931.994	4.117.889.687	22.584.479.426	952.999.565	62.440.300.672
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	41.591.684.373	4.470.766.014	26.287.770.670	1.215.569.071	73.565.790.128
Khấu hao trong năm	2.259.922.721	371.709.419	4.033.026.419	216.423.548	6.881.082.107
Thanh lý trong năm	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	6.733.925.356	1.536.751.492	23.323.915.786	483.726.497	32.078.319.131
Số cuối năm	34.317.739.808	1.165.042.073	19.290.889.367	658.522.040	55.432.193.288

Nhóm Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 34.317.739.808 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Trang web	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	999.722.625	161.863.029	1.161.585.654
Hao mòn trong năm	-	16.708.125	-	16.708.125
Số cuối năm	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	1.287.550.000	16.708.125	-	1.304.258.125
Số cuối năm	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Km9 Xa Lộ Hà Nội	3.600.778.947	2.805.200.000
Dự án kho Long Bình	-	23.312.994.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.600.778.947</b>	<b>26.118.194.232</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### 12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VND
	<i>Gefco – Sotrans Logistics</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm	-
Tăng giá trị đầu tư	<u>4.162.060.000</u>
Số cuối năm	<u>4.162.060.000</u>
<b>Phản lũy kế lỗ sau khi đầu tư:</b>	
Số đầu năm	-
Phản lũy trong năm	<u>(1.429.627.173)</u>
Số cuối năm	<u>(1.429.627.173)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>2.732.432.827</u>

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VNĐ. Nhóm Công ty đã cam kết góp đủ vốn tương đương 49% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã góp 4.162.060.000 VNĐ vào Gefco - Sotrans Logistics, tương ứng 24,5% tỷ lệ sở hữu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Gefco – Sotrans Logistics giảm từ 49% xuống còn 24,5% theo các quy định hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VNĐ		
	Số cuối năm		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đầu tư cổ phiếu niêm yết - Công ty Cổ phần MHC ("MHC")	4.342.639	75.558.898.375	16,02
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.116.521.675)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>66.442.376.700</b>	

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") ngày 7 tháng 12 năm 2015, HĐQT thống nhất thông qua việc mua cổ phiếu MHC. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ nắm giữ đến 20,01% tỷ lệ sở hữu trong MHC để có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động của công ty này cho các mục tiêu đầu tư lâu dài.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Nhóm Công ty.

Tất cả cổ phiếu của MHC với giá trị còn lại là 66.442.376.700 VNĐ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và trái phiếu thường trong nước của Nhóm Công ty. Chi tiết của khoản vay và trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.1 và 17.2.

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa Công cụ, dụng cụ	2.823.316.285	4.552.926.763
	81.280.674	397.994.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.904.596.959</b>	<b>4.950.921.450</b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	491.700.000	-
Phải trả cho Công ty Unitex Logistics Limited	398.883.248	9.860.051.117
Phải trả người bán khác	56.018.428.691	57.850.022.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.909.011.939</b>	<b>67.710.073.550</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp/ Cấn trừ	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.332.100.279	55.306.904.592	(54.325.280.396)	2.313.724.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	3.118.268.851	8.352.152.240	(10.115.918.461)	1.354.502.630
Thuế thu nhập cá nhân	291.045.087	3.104.684.472	(3.014.540.487)	381.189.072
Tiền thuê đất	1.818.386.010	8.517.366.042	(10.335.752.052)	-
Các loại thuế khác	-	1.151.566.963	(1.151.566.963)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.559.800.227</b>	<b>76.432.674.309</b>	<b>(78.943.058.359)</b>	<b>4.049.416.177</b>

## 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ	2.460.861.365	1.795.637.761
Phí hoa hồng	1.085.957.547	722.297.702
Cổ tức phải trả	183.567.363	173.605.063
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.524.485.415	1.703.525.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.254.871.690</b>	<b>4.395.065.731</b>

## 17. VAY

	VNĐ			
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngắn hạn - Vay từ đơn vị khác (Thuyết minh số 17.1)	-	35.671.418.775	(17.697.438.197)	17.973.980.578
Vay dài hạn - Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 17.2)	-	396.000.000.000	-	396.000.000.000
Vay từ bên khác	-	334.989.292.413	(334.989.292.413)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>766.660.711.188</b>	<b>(352.686.730.610)</b>	<b>413.973.980.578</b>

### 17.1 Vay ngắn hạn

Nhóm Công ty có khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán IB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch mua chứng khoán niêm yết. Số cuối năm được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		%/năm	
C000052/2015/IB SC/HĐ-GDKQ	<u>17.973.980.578</u>	Từ 14 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2016	13,50	Toàn bộ chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VAY (tiếp theo)

### 17.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VNĐ	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(4.000.000.000)</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>396.000.000.000</u></b>	

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Nhóm Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VNĐ từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VNĐ từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.614.669 cổ phiếu tương đương 20,71% tỷ lệ sở hữu trong MHC và 36.905.000 cổ phiếu tương đương 55% tỷ lệ sở hữu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam.

## 18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.



B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VNĐ
Số đầu năm	83.518.570.000	6.894.818.939	23.316.847.261	4.822.713.838	19.949.114.757	138.502.064.795
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	28.076.986.548	28.076.986.548
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(10.022.228.400)	(10.022.228.400)
Trích lập các quỹ	-	1.203.071.233	-	-	(3.809.213.699)	(2.606.142.466)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(770.299.256)	(770.299.256)
Số cuối năm	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.424.359.950	153.180.381.221
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.424.359.950	153.180.381.221
( <i>đã được trình bày trước đây</i> )			4.822.713.838	(4.822.713.838)	-	-
Trình bày lại ( <i>Thuyết minh số 32</i> )						
Số đầu năm	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.424.359.950	153.180.381.221
( <i>được trình bày lại</i> )			(20.862.700.000)	-	(20.895.730.000)	-
Tăng vốn trong năm (i)	41.758.430.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	12.526.490.000	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	24.599.453.992	24.599.453.992
Lợi nhuận thuần trong năm	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	137.803.490.000	8.378.540.122	7.276.861.099	-	12.400.649.915	165.859.541.136



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 4.175.928 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết trên. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.252.778 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.428.492 cổ phiếu trị giá 54.284.920.000 VNĐ, trong đó 4.175.843 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 41.758.430.000 VNĐ) và 1.252.649 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 12.526.490.000 VNĐ). Công ty cũng đã nộp báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 9 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Công ty đã công bố trả tạm ứng cổ tức bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết của HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2015, tương đương với 8.351.857.000 VNĐ.

Phần cổ tức còn lại tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu được trả bằng hình thức phát hành thêm 1.252.649 cổ phiếu, tương đương với 12.526.490.000 VNĐ, như đã trình bày trên.

Ngày 8 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 455/QĐ-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chi trả cổ tức này.

### 19.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 19.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VNĐ)	24.599.453.992	28.076.986.548
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	<u>(3.203.000.000)</u>	<u>(3.006.499.500)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)</b>	<b>21.396.453.992</b>	<b>25.070.487.048</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)	13.780.349	13.780.349
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ)		
- Lãi cơ bản	1.553	1.819
- Lãi suy giảm	1.553	1.819

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

(\*\*) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trong năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 19.4 Cổ tức

	VNĐ	VNĐ
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã công bố trong năm	20.878.347.000	16.703.714.000
Trong đó:		
Cổ tức đã trả trong năm	8.341.894.700	10.029.293.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VNĐ		
	SORECO	Cảng Miền Nam	Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Vốn điều lệ đã góp	2.940.000.000	9.800.000.000	12.740.000.000
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	(16.770.384)	777.042.903	760.272.519
	<b><u>2.923.229.616</u></b>	<b><u>10.577.042.903</u></b>	<b><u>13.500.272.519</u></b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phần (lỗ) lợi nhuận sau khi mua	(630.367)	777.042.903	776.412.536

## 21. DOANH THU

### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.218.053.135	643.775.442.340
Doanh thu bán hàng hóa	214.378.584.892	228.948.302.145
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.010.596.638.027</u></b>	<b><u>872.723.744.485</u></b>

### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	558.782.958	212.540.880
Lãi tiền gửi	554.450.628	2.407.710.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.710.000	5.123.042.492
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	4.028.633.274
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.221.943.586</u></b>	<b><u>11.771.926.847</u></b>

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	652.798.853.991	538.326.936.906
Giá vốn của hàng hóa đã bán	200.892.766.133	220.117.931.451
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>853.691.620.124</u></b>	<b><u>758.444.868.357</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
giảm giá các khoản đầu tư	8.312.704.986	(218.084.360)
Chi phí lãi vay	1.831.408.810	836.744.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	821.282.660	221.470.595
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.028.029	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.032.424.485</b>	<b>840.131.069</b>

### 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>75.519.456.828</b>	<b>54.687.973.220</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	48.093.464.975	38.049.331.373
Chi phí bán hàng khác	27.425.991.853	16.638.641.847
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>33.879.929.230</b>	<b>36.166.259.207</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	15.557.378.546	14.961.713.999
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.697.900.032	577.191.166
Tiền thuê đất	2.555.209.813	4.717.838.807
Trợ cấp thôi việc	130.536.500	3.704.775.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.938.904.339	12.204.739.422

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.070.930.924	554.626.499.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	200.892.766.133	220.351.933.023
Chi phí nhân công	63.650.843.521	53.011.045.372
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	6.897.790.232	4.584.775.075
Chi phí khác	27.578.675.372	16.724.847.763
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>963.091.006.182</b>	<b>849.299.100.784</b>

### 26. CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	2.611.809.327	141.024.183
Chi phí khác	76.134.627	4.669.751
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.687.943.954</b>	<b>145.693.934</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập tính thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>34.056.187.023</b>	<b>36.070.698.797</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.976.969.640	1.363.933.907
Lỗi từ công ty liên kết	1.429.627.173	2.722.502.682
Lỗi của các công ty con	4.786.463	24.472.542
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(1.292.939.250)	3.479.020.250
Thu nhập không chịu thuế	(108.710.000)	(5.123.042.492)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>37.065.921.049</b>	<b>38.537.585.686</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>8.154.502.630</b>	<b>8.478.268.851</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	197.649.610	292.819.399
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>8.352.152.240</b>	<b>8.771.088.250</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.118.268.851	2.255.660.387
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.354.502.630</b>	<b>3.118.268.851</b>

### 27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	437.216.200	765.384.455	(328.168.255)	765.384.455



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans	Công ty liên kết	Trả hộ	1.332.503.636	-

Khoản phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>

### **Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	Bên liên quan	Mua dịch vụ	<u>491.700.000</u>	<u>-</u>
--	---------------	-------------	--------------------	----------

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>4.037.703.218</u>	<u>2.713.464.587</u>

## 29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.616.464.307	11.924.311.440
Từ 1 đến 5 năm	23.921.132.080	25.005.348.160
Trên 5 năm	<u>483.623.920</u>	<u>5.835.286.969</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.021.220.307</u></b>	<b><u>42.764.946.569</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	18.449	15.793
- Đồng Euro (EUR)	1.658	1.292
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040
Giá trị ước tính của vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	428.118.897.001	454.770.114.513

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhớt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

			VND
	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu, nhớt	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	796.218.053.135	214.378.584.892	1.010.596.638.027
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	1.682.276.574	1.682.276.574
	<b>796.218.053.135</b>	<b>216.060.861.466</b>	<b>1.012.278.914.601</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(1.682.276.574)
Doanh thu trong năm			1.010.596.638.027
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>38.345.129.181</b>	<b>5.300.721.010</b>	<b>43.645.850.191</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			554.450.628
Chi phí lãi vay			(1.831.408.810)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(8.312.704.986)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			34.056.187.023
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và khấu trừ	6.819.844.949	77.945.283	6.897.790.232
Dự phòng phải thu khó đòi	450.980.173	4.246.919.859	4.697.900.032
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	282.257.003	282.257.003
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>193.960.639.598</b>	<b>27.064.600.197</b>	<b>221.025.239.795</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(21.088.862.157)
Tài sản không phân bổ			472.075.016.400
Tổng tài sản			672.011.394.038
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>93.790.723.922</b>	<b>5.975.738.040</b>	<b>99.766.461.962</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(21.088.862.157)
Nợ phải trả không phân bổ			413.973.980.578
Tổng nợ phải trả			492.651.580.383



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VNĐ		
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh xăng dầu, nhớt</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	643.775.442.340	228.948.302.145	872.723.744.485
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	2.703.453.933	2.703.453.933
	<b>643.775.442.340</b>	<b>231.651.756.078</b>	<b>875.427.198.418</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(2.703.453.933)
Doanh thu trong năm			872.723.744.485
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>34.139.129.298</b>	<b>3.835.201.358</b>	<b>37.974.330.656</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			2.407.710.201
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(4.311.342.060)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			<b>36.070.698.797</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và khấu trừ	4.474.767.613	110.007.462	4.584.775.075
Dự phòng phải thu khó đòi	335.894.541	241.296.625	577.191.166
Chi phí lãi vay	-	836.744.834	836.744.834
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>151.403.753.903</b>	<b>28.236.343.413</b>	<b>179.640.097.316</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(24.625.265.729)
Tài sản không phân bổ			101.228.195.734
Tổng tài sản			256.243.027.321
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>74.543.498.981</b>	<b>28.236.343.413</b>	<b>102.779.842.394</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(24.625.265.729)
Nợ phải trả không phân bổ			21.984.209.452
Tổng nợ phải trả			100.138.786.117

Một vài dữ liệu tương ứng trên thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày trên thông tin bộ phận năm nay.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay, chi tiết như sau:

	VNĐ		
	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Trả trước cho người bán	22.944.043.305	(22.944.043.305)	-
Trả trước người bán ngắn hạn	-	18.358.543.305	18.358.543.305
Trả trước người bán dài hạn	-	4.585.500.000	4.585.500.000
Phải thu khác	11.382.717.781	(11.382.717.781)	-
Tài sản ngắn hạn khác	7.613.848.332	(7.613.848.332)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	18.996.566.113	18.996.566.113
Thuế GTGT được khấu trừ	274.017.310	1.623.607.484	1.897.624.794
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.623.607.484	(1.623.607.484)	-
Tài sản dài hạn khác	155.355.000	(155.355.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	155.355.000	155.355.000
Phải trả dài hạn khác	5.144.442.250	(3.479.020.250)	1.665.422.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.479.020.250	3.479.020.250
Quỹ đầu tư và phát triển	23.316.847.261	4.822.713.838	28.139.561.099
Quỹ dự phòng tài chính	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-
			VNĐ
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được trình bày lại)</i>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>			
Thu nhập khác	284.480.211	(5.305.397)	279.174.814
Chi phí khác	(150.999.331)	5.305.397	(145.693.934)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm. Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành này là để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VNĐ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành GCNĐKKD điều chỉnh từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 12.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

  
Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

  
Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng

  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 3 năm 2016





## PHẦN 6



## CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN







An toàn hàng hóa, phân phối kịp thời





**6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM:**

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (tỷ.VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1	<b>Công ty CP Cảng Miền Nam</b>	Vốn điều lệ 20 tỷ đồng; SOTRANS nắm giữ 51%; Công ty CP Giang Nam Logistics nắm 49%.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; kinh doanh vận tải đa phương thức.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
2	<b>Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO</b>	Vốn điều lệ: 6 tỷ đồng. Trong đó SOTRANS đóng góp 3,06 tỷ đồng ( tương đương 51% vốn điều lệ)	Kinh doanh bất động sản, tư vấn BĐS (trừ môi giới BĐS), quản lý BĐS, quảng cáo BĐS, xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình dân dụng, phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, hoạt động tư vấn quản lý, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng ven biển và viễn...	Tầng 16, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
3	<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng SOTRANS</b>	Vốn điều lệ 350 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...	1B Hoàng Diệu, P.13, Quận 4, Tp.HCM

**6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:****Bảng 1:** Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (tỷ.VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
----	-------------	-------------------------------	---------------------	---------



1	<b>Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco SOTRANS</b>	Vốn điều lệ: 800.000 USD, SOTRANS góp 392.000USD (tương đương 16,988 tỷ VNĐ) chiếm tỷ lệ 49%.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Số 55-57, Đường Nguyễn Văn Giai – P. Đa Kao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
2	<b>Công ty CP MHC</b>	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sở hữu 4.342.639 cổ phiếu tương đương 16,02% vốn chủ sở hữu của MHC. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Công ty.	Vận tải đường thủy, đường bộ, Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa.	Tầng 7, tòa nhà An Hải Km 2, đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng



## PHẦN 7



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ







Đa dạng hóa phương thức vận chuyển





**7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:**

- Ban Giám Đốc: Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc.
- 1 Chi nhánh tại Hà Nội, các VPĐD tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương, Cần Thơ.
- 3 đơn vị thành viên, 5 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 264 người.

**7.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRI:**▪ **Ông TRẦN QUYẾT THẮNG****Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**

Ông Trần Quyết Thắng là người có kinh nghiệm sâu rộng về tài chính, đầu tư và vận hành kinh doanh. Ông theo học chuyên ngành luật ở Đức và Vương quốc Anh, và là cổ đông sáng lập của công ty luật Thắng & Cộng sự. Ông là thành viên sáng lập của REFICO và từng là Tổng giám đốc của công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI). Dưới sự lãnh đạo của ông, SSI trở thành công ty chứng khoán tư nhân lớn nhất Việt Nam.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	01/01/1962	<b>Nơi sinh:</b>	Tp.HCM	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>	023324443	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam		
	<b>Điện thoại:</b>		<b>Địa chỉ</b>	Tầng 7, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Chứng chỉ Phân tích chứng khoán và đầu tư (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam) Chứng chỉ hoàn thành khoá học cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam) Cao đẳng Luật Thực Hành (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh) Cao đẳng nâng cao về Luật (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh) Cử nhân Luật danh dự (Trường đại học Martin-Luther, Halle-Wittenberg, Đức).					
<b>Quá trình Công tác:</b>	1989 – 1995	Đồng sáng lập kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Tư vấn Đầu tư InvestConsult				
	2000 – 2003	Đồng sáng lập – Tổng Giám Đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn.				
	1997 đến nay	Văn phòng luật sư Thắng và các cộng sự				
	2003 đến nay	Người sáng lập và chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển và tài trợ Địa ốc (REFICO).				
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Chủ tịch Hội đồng Quản trị					

▪ **Ông LÊ BÁ THỌ****Phó chủ tịch thường trực, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

Ông Lê Bá Thọ là thành viên HĐQT từ ngày 29/06/2015, đến ngày 15/07/2015 ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam, đến ngày 29/09/2015 ông Lê Bá Thọ được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch thường trực.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	08/06/1981	<b>Nơi sinh:</b>	Thanh Hóa	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>	025799660	<b>Dân tộc:</b>	Kinh		



<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ:</b>	23/12 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh		
<b>Quá trình Công tác:</b>	Giám Đốc tài chính Công ty CP FTG Việt Nam		
	Thành viên HĐQT Công ty CP Kho Vận Miền Nam		
	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam		
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b> Phó chủ tịch thường trực, Phó Tổng Giám Đốc			

#### ▪ Ông ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG

**Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**



Ông Đỗ Hoàng Phương là thành viên Hội đồng quản trị công ty CP Kho Vận Miền Nam từ ngày 20 tháng 08 năm 2015, Giám đốc khối Kho và Giao nhận, ngày 02 tháng 02 năm 2016 ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám Đốc công ty. Ông Đỗ Hoàng Phương là kỹ sư kinh tế và là người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	29/02/1976	<b>Nơi sinh:</b>	Thái Bình	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>		<b>Dân tộc:</b>	Kinh		
	<b>Điện thoại:</b>	(848) 3826 6594	<b>Địa chỉ:</b>	68 Đường số 7, P.Phú Mỹ, Quận 7, Tp.HCM		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Kỹ sư kinh tế					
<b>Quá trình Công tác:</b>	1999 – 2001	Làm việc tại cảng VICT				
	2001 – 2014	Làm việc tại Công ty CP Gemadept				
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc					

#### ▪ Ông TRẦN VĂN THỊNH

**Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**



Ông Trần Văn Thịnh giữ chức Phó tổng Giám Đốc SOTRANS từ tháng 01 năm 2014,

Ông Trần Văn Thịnh làm việc tại SOTRANS từ những ngày đầu thành lập, ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi, hàng dự án, hàng siêu trường, siêu trọng.

Ông từng làm Phó Giám Đốc, Giám đốc XN DV Kho vận Giao nhận trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám Đốc SOTRANS từ ngày 10/01/2014, đồng thời kiêm Giám đốc XN Dịch vụ Kho vận Giao nhận.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	31/05/1961	<b>Nơi sinh:</b>	Tp.HCM	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>	020273806	<b>Dân tộc:</b>	Kinh		
	<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ:</b>	780 Đoàn Văn Bơ, P.6, Q.4, Tp.HCM		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Đại học Kinh tế Công nghiệp.					
<b>Quá trình Công tác:</b>	1982 – 1994	Nhân viên thống kê, giao nhận, nghiệp vụ Công ty Kho vận II				
	1995 – 2001	Trưởng trạm Giao nhận Công ty Kho vận Miền Nam				
	2001 – 2008	Phó phòng Giao nhận XN Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc Tế.				



2008 – 2011	Phó Giám Đốc XN Dịch vụ Kho Vận Giao Nhận
4/2011 đến nay	Giám Đốc XN Dịch vụ Kho Vận Giao Nhận
01/2014 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên Hội Đồng Quản trị - P.Tổng Giám Đốc

▪ **Ông TRẦN TUẤN ANH**  
Thành viên HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam.



Ông Trần Tuấn Anh được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT công ty CP Kho Vận Miền Nam từ ngày 02 tháng 02 năm 2016. Ông Trần Tuấn Anh hiện đang là giám đốc điều hành Công ty ITL, năm 2015 Công ty ITL nằm trong Top 20 Doanh nghiệp Logistics Việt Nam.

Ông Trần Tuấn Anh được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT công ty CP Kho Vận Miền Nam từ ngày 02 tháng 02 năm 2016. Ông Trần Tuấn Anh hiện đang là giám đốc điều hành Công ty ITL, năm 2015 Công ty ITL nằm trong Top 20 Doanh nghiệp Logistics Việt Nam.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>CMND:</b>	<b>Dân tộc:</b>	Kinh
	<b>Điện thoại:</b> (84.8) 3948 6888	<b>Địa chỉ:</b>	52-54-56 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Vietnam.

**Trình độ chuyên môn:**

**Quá trình Công tác:**

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:** Thành viên Hội đồng Quản trị

▪ **Bà ĐOÀN THỊ ĐÔNG**  
Thành viên HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam.



Bà Đoàn Thị Đông công tác tại SOTRANS từ năm 1985, bà đảm nhiệm chức Giám Đốc nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, Phó Giám Đốc Công ty Kho Vận Miền Nam, Giám Đốc Hóa Dầu SOLUBE, Phó Tổng Giám Đốc SOTRANS và là Chủ tịch HĐQT SOTRANS 19/04/2012 đến ngày 15/01/2014.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b> 08/06/1957	<b>Quê quán:</b> Quảng Trị	<b>Giới tính:</b>	Nữ
	<b>CMND</b>	024673525	<b>Dân tộc:</b>	Kinh
	<b>Điện thoại:</b> (84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ</b>		

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ.  
Đại học Thương mại chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh.

<b>Quá trình Công tác:</b>	05/1981 đến 06/1985	Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
	07/1985 đến 12/2006	Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ - Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ. - Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa. - Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại. - Giám đốc XN Hóa Dầu Solube



	- Phó Giám đốc Công ty.
01/2007 đến 19/04/2012	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
19/04/2012 đến 01/2014	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Cty CP Kho Vận Miền Nam
Từ 01/01/2013	Nghỉ hưu theo chế độ BHXH, thôi giữ chức Phó tổng Giám Đốc
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên HĐQT.

▪ **Ông Lê Việt Thành – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**  
(từ nhiệm từ ngày 24/07/2015)



Ông Lê Việt Thành tham gia HĐQT SOTRANS từ 30/08/2012 đến 24/07/2015. Ông Lê Việt Thành là thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, kỹ sư kinh tế vận tải biển, có bằng quản lý rủi ro doanh nghiệp bảo hiểm. Ông có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải, bảo hiểm. Hiện nay ông là phó giám đốc Chi nhánh khu vực phía nam của Tổ công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	10/06/1970	<b>Quê quán:</b>	Hà Tĩnh	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>	023620039	<b>Dân tộc:</b>	Kinh	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
	<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 6299 2082	<b>Địa chỉ</b>	Số 02, đường 49, P. Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM		

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
Kỹ sư kinh tế vận tải biển  
Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm.

<b>Quá trình Công tác:</b>	1992 - 1993	Nhân viên giao nhận, Công ty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.
	1993 - 1994	Kế toán viên, Xí nghiệp In Hải Quan, Tổng cục Hải quan.
	1994 - 2005	Chuyên viên, Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản, Trưởng phòng Bồi thường, Công ty Bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh
	2005 – 2007	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Bảo Hiểm AIA
	2007 đến nay	Phó Giám Đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/07/2015)	
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</b>	Phó Giám Đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước Phó chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm TVPHARM Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	

▪ **Ông Đinh Quang Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**  
(từ nhiệm từ ngày 23/06/2015).



Ông Đinh Quang Hoàn là Thạc sĩ Kinh tế và là hội viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc. Ông Hoàn được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/10/2011. Trước đây, ông Hoàn là kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Arthur Andersen, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán KPMG, P. Trưởng phòng tư vấn Công ty chứng khoán Bảo Việt. Hiện ông Hoàn đang làm việc tại Công ty chứng khoán Bản Việt với chức vụ Phó tổng Giám Đốc.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	22/08/1976	<b>Quê quán:</b>	Hải Phòng	<b>Giới tính:</b>	Nam
--------------------------	-------------------	------------	------------------	-----------	-------------------	-----



<b>CMND</b>	025004907	<b>Dân tộc:</b>	Kinh	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3914 3588	<b>Địa chỉ</b>	C22 Khu Nam Long, Đường Gò Ô Môi, Q7, TPHCM		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Thạc sỹ kinh tế Hội viên hội Kế Toán Viên Công Chứng Anh Quốc (ACCA)				
<b>Quá trình Công tác:</b>	9/1998- 6/2002	Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán Arthur Andersen			
	6/2002- 3/2007	Trưởng phòng Kiểm toán – Công ty Kiểm toán KPMG			
	3/2007- 8/2007	Phó phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Bảo Việt			
	8/2007 – nay	Giám Đốc Tư vấn – Công ty Chứng khoán Bản Việt			
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ ngày 23/06/2015).				
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</b>	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty Chứng khoán Bản Việt.				
	Thành viên Hội Đồng Quản Trị, công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa				
	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.				

- **Ông Đặng Vũ Thành** (từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 24/07/2015) (**xem thông tin trong Ban Điều Hành**)
- **Ông Trần Mạnh Đức** (từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 24/07/2015) (**xem thông tin trong Ban Điều Hành**)

### 7.3. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có các thành viên bao gồm:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc.
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 15/07/2015).
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 02/02/2016).
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc.
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám Đốc (Từ nhiệm ngày 02/02/2016).
Ông Phạm Tường Minh	Kế toán trưởng.

#### Tóm tắt lý lịch:

- **Ông ĐẶNG VŨ THÀNH**  
**Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**



Ông **Đặng Vũ Thành** giữ chức Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam từ ngày 16/04/2011. Ông Đặng Vũ Thành đã làm việc tại SOTRANS được gần 10 năm và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, xuất nhập khẩu. Ông tốt nghiệp Tiến sỹ kinh tế tại học viện LTA St. Petersburg, Cộng hòa liên bang Nga, đồng thời có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh của Đại học Bocconi, Ý.

Từ khi gia nhập SOTRANS năm 2004, Ông đã kinh qua các vị trí Trưởng phòng Marketing SOTRANS Logistics, Phó Giám Đốc, Giám đốc SOTRANS Logistics, Giám đốc SOTRANS Hà Nội và đến nay là Tổng giám đốc SOTRANS.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	11/12/1969	<b>Nơi sinh</b>	Thanh Hóa	<b>Giới tính:</b>	Nam
	<b>CMND</b>	171431808	<b>Quê quán</b>	Thừa Thiên Huế	<b>Dân tộc:</b>	Kinh
	<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ</b>	CD-9 Hưng Vượng 3, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp.HCM		
	<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Tiến sỹ Kinh tế tại Liên bang Nga				
<b>Quá trình Công tác:</b>	12/2000 - 06/2003	Cộng tác viên khoa học Viện lâm nghiệp Saint Petersburg (LB Nga).				





05/2004 - 11/2005	Trưởng phòng Marketing – Xí nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.
12/2005 – 06/2008	Phó Giám Đốc – Xí Nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.
7/2008 – 04/2011	Giám Đốc – Xí Nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.
05/2011 đến nay	Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Tổng Giám Đốc

- Ông **LÊ BÁ THỌ** (xem thông tin trong HĐQT).
- Ông **ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG** (xem thông tin trong HĐQT).
- Ông **TRẦN VĂN THỊNH** (xem thông tin trong HĐQT).
- Ông **TRẦN MẠNH ĐỨC**

**Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam. (Từ nhiệm từ ngày 02/02/2016 )**



Ông Trần Mạnh Đức giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam từ tháng 03 năm 2008. Ông Trần Mạnh Đức khởi nghiệp tại SOTRANS và làm việc hơn 18 năm tại các bộ phận khác nhau. Ông có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, hoạt động kho và cảng thông quan nội địa. Ông tốt nghiệp Trường Đại học Hàng Hải và có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Từ khi gia nhập SOTRANS năm 1995 Ông đã kinh qua các chức vụ Phó Giám Đốc SOTRANS Logistics, Giám đốc SOTRANS P&W, Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc SOTRANS ICD, Phó Tổng Giám Đốc SOTRANS

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b> 20/02/1970	<b>Nơi sinh</b> Tp.HCM	<b>Giới tính:</b> Nam
	<b>CMND</b> 022416192	<b>Quê quán</b> Đồng Tháp	<b>Dân tộc:</b> Kinh
	<b>Điện thoại:</b> (84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ</b> 115/58 Trần Đình Xu, P. NCT, Q1, Tp.HCM	
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Thạc sĩ chuyên ngành QTKD Đại học Hàng Hải.		
<b>Quá trình Công tác:</b>	01/1995 đến 12/2006	Nhân viên Giao nhận, Tổ trưởng Kinh doanh XN ĐLGTVTQT	
		Phó Giám Đốc – Xí nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.	
		Giám Đốc XN DV Kho Bãi Cảng	
	2007 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty	
		Giám Đốc Cảng Kho Vận	
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Phó Tổng Giám Đốc (Từ nhiệm từ ngày 02/02/2016)		

- Ông **PHẠM TƯỜNG MINH**  
**Kế toán trưởng Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

Ông Phạm Tường Minh được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng SOTRANS từ tháng 7 năm 2013. Ông Phạm Tường Minh làm việc tại SOTRANS từ năm 2002, với hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính tại SOTRANS. Ông Phạm Tường Minh đã kinh qua nhiều vị trí khác nhau trong lĩnh vực kế toán, đảm bảo các hoạt động kế toán của công ty theo đúng các chuẩn mực quy định hiện hành, ông cũng là người am hiểu có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics.

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b> 18/04/1981	<b>Nơi sinh</b> Tp.HCM	<b>Giới tính:</b> Nam
	<b>CMND</b> 023438262	<b>Quê quán</b> Thái Bình	<b>Dân tộc:</b> Kinh
	<b>Điện thoại:</b> (84.8) 3940 0947	<b>Địa chỉ</b> 83/37 Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú.	
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Kế toán – Kiểm toán.		
<b>Quá trình Công tác:</b>	2002 – 2007	Nhân Viên Kế Toán - XN Đại lý GNVN Quốc Tế	
	2008 – 2009	Phó phòng Kế Toán - XN Đại lý GNVN Quốc Tế	



2010- 2013	Trưởng phòng Kế Toán - XN Đại lý GNVT Quốc Tế
04/2013 – 07/2013	Phó phòng Kế toán Tài Chính – Công ty CP Kho Vận Miền Nam
07/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Kho Vận Miền Nam
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Kế toán trưởng

#### 7.4. **BAN KIỂM SOÁT:**

##### ▪ **Bà NGUYỄN THỊ OANH**

**Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017** (Bổ nhiệm ngày 20/08/2015):

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	22/02/1982	<b>Quê quán:</b>	Thanh Hóa	<b>Giới tính:</b>	Nữ
	<b>CMND</b>	025858619	<b>Dân tộc:</b>	Kinh	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
	<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ</b>	5.3 Lô C, CC 280/29 Bùi Hữu Nghĩa, P.2, Q.BThận		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Cử nhân Kinh tế					
<b>Quá trình Công tác:</b>	2006 – 2007	Chuyên viên kế toán tại Công ty TNHH Hà Nội – Chợ Lớn				
	2007 – 2010	Chuyên viên kế toán tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sông Đ				
	2010 – 2013	Phó phòng Tài Chính - Kế Toán Cty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Đà				
	2013 – 2014	Chuyên viên kế toán tại Công ty CP Dầu khí Đông Phương				
	2013 – nay	Kế toán trưởng công ty CP Lecmax Sài Gòn				
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Trưởng Ban kiểm soát					

##### ▪ **Bà TRẦN THỊ THANH BÌNH**

**Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017** (Bổ nhiệm ngày 20/08/2015)

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	12/08/1973	<b>Nơi sinh:</b>	Quảng Trị	<b>Giới tính:</b>	Nữ
	<b>CMND</b>		<b>Dân tộc:</b>	Kinh	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
	<b>Điện thoại:</b>	(84.8) 3826 6594	<b>Địa chỉ</b>	64/13 Đường Cù Lao, Phường 2, Q. Phú Nhuận		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Cử nhân Kinh tế					
<b>Quá trình Công tác:</b>	1997 – 1999	Kế toán Công trình XD CB – Cty XD Công trình Giao Thông 507				
	2000 – 2003	Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư Xây dựng 799				
	2003 – 2007	Phó phòng Tài Chính Kế Toán, kiêm kế toán tổng hợp Công ty CP Đầu tư Xây dựng và khai thác công trình giao thông 584				
	2008 – 2013	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và khai thác công trình giao thông 584				
	2014 – nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng Võ Đình				
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên Ban kiểm soát					

##### ▪ **Bà NGUYỄN VŨ HOÀI AN**

**Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:**

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b>	22/10/1979	<b>Quê quán:</b>	Thái Bình	<b>Giới tính:</b>	Nữ
	<b>CMND</b>	250447914	<b>Dân tộc:</b>	Kinh	<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
	<b>Điện thoại:</b>	0983 507073	<b>Địa chỉ</b>	26B Nguyễn An Ninh, P.6, Đà Lạt, Lâm Đồng		
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Cử nhân Kinh tế					
<b>Quá trình Công tác:</b>	2003 – 2010	nhân viên Kế toán tại Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận - Công ty cổ Phần Kho Vận Miền Nam				



2010 – 2013	Trưởng phòng Kế toán tại Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhậ - Công ty cổ Phần Kho Vận Miền Nam
2013 đến nay	
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên Ban kiểm soát

▪ **Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ**

**Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017**

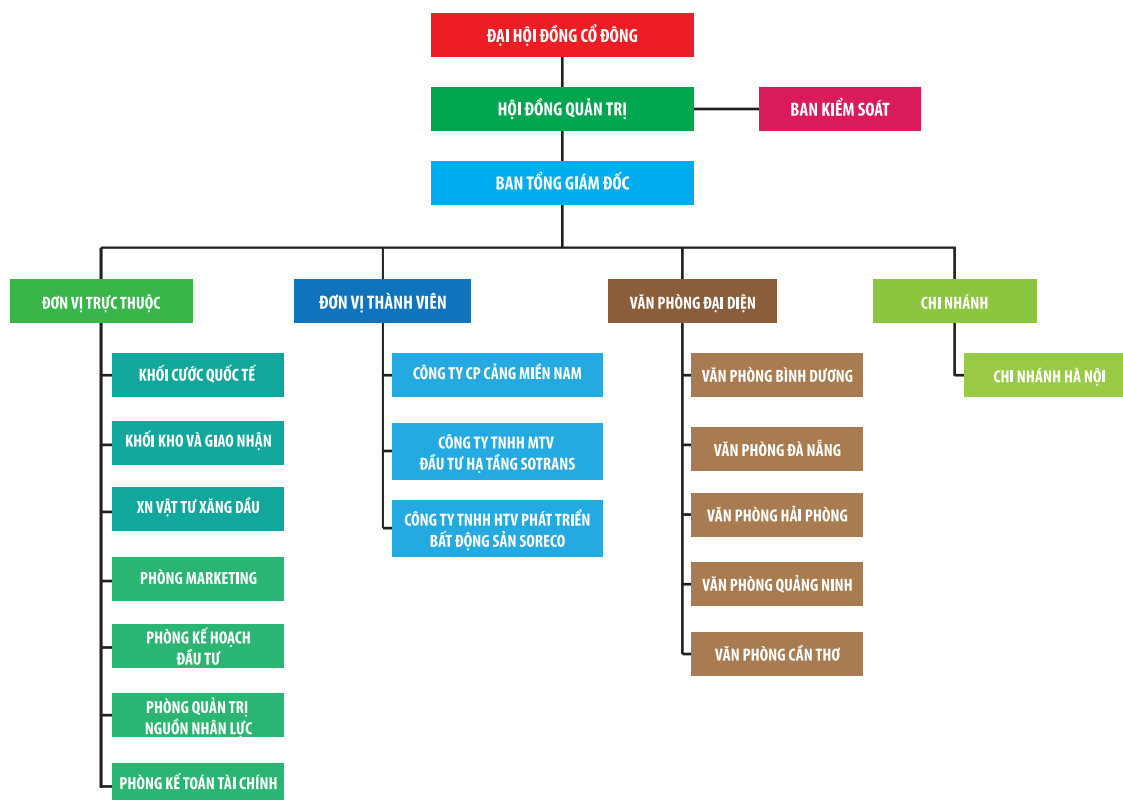
(từ nhiệm ngày 31/07/2015)

<b>Thông tin cá nhân</b>	<b>Ngày sinh:</b> 03/07/1974	<b>Quê quán:</b> Ninh Bình	<b>Giới tính:</b> Nữ
	<b>CMND</b> 022704721	<b>Dân tộc:</b> Kinh	<b>Quốc tịch:</b> Việt Nam
	<b>Điện thoại:</b> 0903 988 784	<b>Địa chỉ</b> 292B Trần Phú, Phường 8, Quận 5, TP.HCM	
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Cử nhân Quản trị Kinh Doanh ( chuyên ngành Ngoại Thương) – ĐH Kinh tế Tp.HCM		
<b>Quá trình Công tác:</b>	1998 – 2001	Nhân viên Phòng Kinh doanh, XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam	
	2001 -2004	Phó Phòng KHSX-XNK - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam	
	2004 – 2005	Phó Phòng phụ trách Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam	
	04 – 11/2005	Trưởng Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam	
	2005 -2007	Trưởng phòng Marketing – XN Hóa Dầu SOLUBE	
	2007 – 2008	Phó phòng Marketing – XN Hóa Dầu SOLUBE	
	2008 – 2011	Phó Giám Đốc XN Dịch vụ Kho bãi Cảng - Công ty CP Kho vận Miền Nam	
	2011 – 2013	Phó phòng Quản trị Nguồn Nhân lực – Cty CP Kho Vận Miền Nam	
	01/2014 đến nay	Tổ trưởng Tổ hỗ trợ – P.QTNNL – Cty CP Kho vận Miền Nam	
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:</b>	Thành viên Ban kiểm soát (từ nhiệm từ ngày 31/07/2015)		



## 7.5. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

### Cơ cấu tổ chức của Công ty



### CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:

- Văn phòng trụ sở chính Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**  
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM

- Các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1.	Khối Cứu Quốc Tế	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
2.	Khối Kho và Giao Nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.

- Các chi nhánh trực thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 142 Đội Cấn, Q. Đống Đa, Hà Nội.

- Các văn phòng trực thuộc:

STT	Văn phòng	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	08 Ngô Gia Tự, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
3.	Văn phòng Hải Phòng	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
4.	Văn phòng Quảng Ninh	28 Hòa Lạc, P. Hòa Lạc, Móng Cái, Quảng Ninh.
5.	Văn phòng Cần Thơ	27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, Cần Thơ



## 7.6. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:

### ▪ Phòng Quản trị nguồn nhân lực:

Phòng Quản trị Nguồn nhân lực là phòng chuyên môn có chức năng:

- Quản trị chiến lược nhân sự.
- Quản trị hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng.
- Công tác thanh tra, bảo vệ.
- Công tác đào tạo nguồn nhân lực
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Công tác pháp chế.
- Công tác An toàn – Bảo hộ lao động
- Vệ sinh môi trường.

### ▪ Phòng Kế Toán Tài Chính:

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

### ▪ Phòng Marketing:

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc quản trị thương hiệu, định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

### ▪ Phòng Kế hoạch và đầu tư:

Phòng kế hoạch và đầu tư có chức năng xây dựng và thực hiện các kế hoạch liên quan đến trang thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; Kiểm tra, giám sát, tư vấn về các hoạt động xây dựng cơ bản, sửa chữa nhà xưởng, nhà kho, đầu tư hạ tầng cho phù hợp với nhu cầu và mục tiêu phát triển của công ty.

## 7.7. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Không có.

## 7.8. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

### ▪ Số lượng lao động và cơ cấu lao động:

Tổng số lao động của SOTRANS tính đến thời điểm 31/12/2015 là 264 người với cơ cấu như sau:

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ</b>		
Trên đại học	7	2.65%
Đại học	134	50.75%
Cao đẳng	34	12.87%
Trung cấp. CNKT lành nghề	19	7.19%
Lao động phổ thông	70	26.51%
<b>Tổng cộng</b>	<b>264</b>	<b>100%</b>



### ▪ Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị nhưng không được trái với quy định của công ty và của pháp luật.
- Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.

### ▪ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.
- Được gửi quà mừng là tiền mặt khi người lao động kết hôn và sinh con bên cạnh các chế độ hiện hành của Nhà nước.
- Được hỗ trợ chi phí thăm hỏi khi người lao động ốm đau và trợ cấp cho gia đình (là tứ thân phụ mẫu) có tang gia.
- Hằng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát.
- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty.
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao,...cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...







## PHẦN 8



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY





**Đảm bảo thời gian hàng hóa đến điểm đích**



**8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT:****8.1.1. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu
1	Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	5.553
2	Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch thường trực	0
3	Đặng Vũ Thành	Thành viên	3.966
4	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	0
5	Trần Văn Thịnh	Thành viên	1
6	Trần Mạnh Đức	Thành viên	7.525
7	Đoàn Thị Đông	Thành viên	11.870
8	Đình Quang Hoàn	Thành viên	0
9	Lê Việt Thành	Thành viên	0
10	Phạm Tường Minh	Kế toán trưởng	3.692
11	Nguyễn Thị Oanh	Trưởng BKS	0
12	Trần Thị Thanh Bình	Thành viên BKS	0
13	Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên BKS	0
14	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	0

**8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:****8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:**

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)
<b>I. Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.752.831</b>	<b>137.528.310</b>	<b>99,8%</b>	<b>27.518</b>	<b>275.180</b>	<b>0,2%</b>	<b>13.780.349</b>	<b>137.803.490</b>	<b>100%</b>
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2. Cổ đông đặc biệt</b>	<b>32.607</b>	<b>326.070</b>	<b>0,2%</b>	-	-	-	<b>32.607</b>	<b>326.070</b>	<b>0,2%</b>
- Hội đồng quản trị	28.915	289.150	0,2%	-	-	-	28.915	289.150	0,2%
- Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kế Toán Trưởng	3.692	36.920	0,0%	-	-	-	3.692	36.920	0,0%
<b>4. Cổ đông khác</b>	<b>13.720.224</b>	<b>137.202.240</b>	<b>99,6%</b>	<b>27.518</b>	<b>275.180</b>	<b>0,2%</b>	<b>13.747.742</b>	<b>137.477.420</b>	<b>99,8%</b>
- Cá nhân	4.868.527	48.685.270	35,3%	3.910	39.100	0,0%	4.872.437	48.724.370	35,4%
- Tổ chức	8.851.697	88.516.970	64,2%	23.608	236.080	0,2%	8.875.305	88.753.050	64,4%
<b>II. Cổ phiếu quỹ.</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (\*) không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

**8.2.2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:**

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu.	Giá trị (đvt: 1,000vnd).	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.752.831</b>	<b>137.528.310</b>	<b>99,8%</b>	<b>27518</b>	<b>275180</b>	<b>0,2%</b>	<b>13.780.349</b>	<b>137.803.490</b>	<b>100%</b>
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	8.501.695	85.016.950	61,7%	0	0	0,0%	8.501.695	85.016.950	61,7%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	4.195.621	41.956.210	30,4%	0	0	0,0%	4.195.621	41.956.210	30,4%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.055.515	10.555.150	7,7%	27518	275180	0,2%	1.083.033	10.830.330	7,9%







Add: 1B Hoang Dieu St., Ward 13, Dist. 4, HoChiMinh City, Vietnam

Tel: (84.8) 3825 3009 - Fax: (84.8) 3826 6593

Email: [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn) - Website: [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)